

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của
Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã
hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ
về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07
tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể
phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển mạng lưới chợ hạng I, chợ đầu mối là nơi tập trung và phân
phối nguồn hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, đáp ứng nhu cầu
tiêu dùng hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tham gia phát luồng hàng hóa đến các
cơ sở chế biến, các nhà xuất khẩu, chi phối thị trường bán lẻ trong và ngoài địa
bàn.

b) Phát triển mạng lưới chợ chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu
quả hoạt động của chợ. Số lượng và quy mô chợ do nhu cầu của thị trường bán
buôn và bán lẻ trên địa bàn quyết định. Chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt
động của chợ được đo lường bằng các giá trị cung cấp hàng hóa, dịch vụ của
thương nhân kinh doanh tại chợ cho khách hàng.

c) Phát triển mạng lưới chợ trên cơ sở kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa
nguồn lực của toàn xã hội với vai trò tổ chức và quản lý của Nhà nước.

d) Phát triển mạng lưới chợ theo hướng văn minh, hiện đại, đồng thời bảo đảm duy trì và phát huy được các yếu tố truyền thống đặc trưng và điển hình của chợ. Kiện toàn mô hình quản lý các chợ hạng I và chợ đầu mối theo hướng doanh nghiệp tổ chức quản lý kinh doanh chợ.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạng lưới chợ đồng bộ, hài hòa, đáp ứng nhu cầu hàng hóa nông sản cho sản xuất, chế biến và nhu cầu tiêu dùng hàng ngày của nhân dân, qua đó thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành sản xuất nông nghiệp, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và ổn định đời sống nhân dân.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025

+ Cải tạo, nâng cấp mở rộng các chợ đầu mối và chợ hạng I hiện có đang hoạt động hiệu quả theo đúng các tiêu chí, bao đảm phát huy đầy đủ công năng và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của chợ.

+ Đầu tư xây dựng mới các chợ đầu mối và chợ hạng I ở những nơi có nhu cầu cần thiết và đáp ứng tiêu chí quy hoạch, từng bước phát triển chợ đầu mối phù hợp với chu trình vận động lưu thông hàng hóa.

+ Mạng lưới chợ đầu mối tiêu thụ phần lớn hàng hóa nông sản do nông dân sản xuất (mặt hàng đặc sản, chủ lực, mặt hàng sản xuất chuyên canh và tập trung...), đồng thời bao đảm nguồn cung cấp hàng hóa nông sản cho mạng lưới bán lẻ trên địa bàn.

+ Mạng lưới chợ hạng I cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hóa tiêu dùng thông thường trong đời sống hàng ngày của người dân, đồng thời thực hiện vai trò chi phối đối với các chợ hạng II và hạng III, bình ổn thị trường bán lẻ trên địa bàn.

- Tầm nhìn đến năm 2035

+ Phát triển mạng lưới chợ đầu mối và mạng lưới chợ hạng I trên phạm vi toàn quốc đủ về số lượng, phù hợp về công năng, quy mô và trình độ phát triển so với nhu cầu của thị trường bán buôn hàng nông sản và thị trường bán lẻ hàng tiêu dùng, trở thành hai nhân tố chính trong kết cấu hạ tầng chợ.

+ Trên từng địa bàn, chợ đầu mối bảo đảm phần lớn hàng hóa nông sản được tiêu thụ và cung cấp cho mạng lưới bán lẻ; chợ hạng I về cơ bản bảo đảm chi phối đối với thị trường bán lẻ hàng tiêu dùng.

3. Định hướng phát triển

a) Định hướng tổng quát

Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ trên toàn quốc với quy mô, cơ cấu, tính chất và công năng phù hợp với nhu cầu lưu thông hàng hóa và thị trường từng

địa bàn, vùng lanh thổ. Trong đó, chú trọng phát triển bền vững mạng lưới chợ cung ứng hàng hoá nông sản thực phẩm cho thị trường khu vực đô thị và mạng lưới chợ cung ứng hàng công nghiệp tiêu dùng thông thường cho thị trường nông thôn. Kết hợp xây dựng kiên cố với trang thiết bị đầy đủ, từng bước hiện đại với nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và đổi mới tổ chức bộ máy quản trị chợ.

b) Định hướng phát triển chợ theo địa bàn

Tại địa bàn nông thôn: Phát triển mạng lưới chợ dân sinh hạng III cấp xã, phù hợp nhu cầu trao đổi mua bán hàng hóa của người dân; phát triển tại mỗi huyện tối thiểu một chợ trung tâm huyện (hạng I hoặc hạng II) vừa bán buôn vừa bán lẻ, trong đó bán lẻ là chủ yếu, phục vụ nhu cầu tại chỗ và nhu cầu chung trên địa bàn huyện.

Tại địa bàn đô thị: Phát triển có chọn lọc mạng lưới chợ dân sinh hạng III cấp phường theo hướng văn minh, hiện đại, chú trọng ở những khu đô thị và khu cư dân tập trung mới hình thành; tập trung phát triển mạng lưới chợ tổng hợp hạng I ở khu vực trung tâm và chợ đầu mối bán buôn ở ngoại vi các thị xã, thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ của các thị trường lớn, trọng điểm và bảo đảm sự ổn định chung của thị trường vùng, cả nước.

c) Định hướng phát triển mạng lưới chợ đầu mối

Phát triển mạng lưới chợ đầu mối tại các vùng sản xuất nông sản thực phẩm tập trung, có tính chuyên canh, quy mô lớn và ổn định, là nơi hội tụ, tập kết hàng hoá và khởi đầu cho lưu thông hàng hóa tại vùng ngoại vi các thành phố, thị xã (đô thị loại III trở lên) để cung ứng phát luồng hàng hóa cho mạng lưới bán lẻ (chủ yếu là chợ dân sinh hạng III) ở khu vực nội thị.

Tùy theo đặc điểm nguồn hàng có thể phát triển chợ đầu mối bán buôn đa ngành nông sản thực phẩm hoặc các chợ đầu mối bán buôn chuyên ngành như rau củ quả, thủy hải sản, thậm chí chuyên sâu hơn như chợ trái cây, chợ rau củ (hàng bông), chợ hoa, chợ cá, chợ gia cầm, chợ trâu bò.v.v. Chợ đầu mối có phạm vi ảnh hưởng tối thiểu là trong địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong điều kiện và bối cảnh từ nay đến năm 2025 và giai đoạn đến năm 2035, mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ngoại trừ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), có thể phát triển một chợ đầu mối ở ngoại vi đô thị trung tâm hoặc một chợ đầu mối ở vùng nông sản hàng hóa tập trung của địa phương.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế trong từng giai đoạn để lựa chọn nâng cấp một số chợ đầu mối thành các chợ đầu giá hoặc sàn giao dịch hàng hóa nông sản, đặc biệt là ở các địa phương vùng cung ứng tập trung về hải sản, trái cây, rau củ.

d) Định hướng phát triển mạng lưới chợ hạng I

Phát triển mạng lưới chợ hạng I tại trung tâm các quận, huyện, thị xã, thành phố (đô thị loại IV trở lên) để vừa đáp ứng nhu cầu về hàng tiêu dùng

thông thường của người dân và khách du lịch, vừa làm hạt nhân chi phối, chủ đạo đối với mạng lưới chợ dân sinh bán lẻ trên địa bàn.

Dựa trên nhu cầu tiêu dùng của khách hàng tại chỗ và khách du lịch, phát triển tại mỗi một đô thị tối thiểu một chợ hạng I.

Phát huy và bảo tồn tập quán trao đổi mua bán hàng hóa và các giá trị truyền thống của chợ để quyết định địa điểm và phương án thiết kế kiến trúc, tổ chức không gian chợ hạng I bảo đảm phù hợp với công năng, nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời hài hòa với các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng hiện đại, văn minh (siêu thị, trung tâm mua sắm, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi) ở khu vực xung quanh.

Cùng có và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Ban quản lý/Ban quản trị chợ hạng I, đặc biệt là đổi mới và hoàn thiện chế độ thu chi tài chính của Ban quản lý chợ và chế độ lao động tiền lương của cán bộ công nhân viên Ban quản lý. Lựa chọn để từng bước chuyển đổi mô hình Ban quản lý thành mô hình công ty kinh doanh chợ, trước hết là ở những chợ hạng I đã hội tụ đủ các điều kiện chuyển đổi.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng theo mô hình nhất thể hóa chợ hạng I với trung tâm mua sắm/trung tâm thương mại, nguyên tắc là chợ vẫn phải đáp ứng đầy đủ các công năng, không làm mất đi hoặc thay đổi các giá trị cốt lõi của chợ, bảo đảm lợi ích của người kinh doanh trong chợ, tạo thêm khả năng đáp ứng tốt hơn nhu cầu mua sắm hàng hóa của người dân.

d) Định hướng phát triển mạng lưới chợ hạng II, III

Phát triển các chợ hạng II (chủ yếu bán lẻ) tại những thị trường tập trung quy mô vừa và nhỏ, trong đó trọng yếu là mạng lưới chợ trung tâm huyện. Mỗi huyện tối thiểu có một chợ hạng II, vừa đáp ứng nhu cầu của người dân tại chỗ, vừa chi phối thị trường bán lẻ cấp xã trên địa bàn, vừa là nơi trung chuyển hàng hoá của chợ hạng I.

Phát triển rộng rãi mạng lưới chợ dân sinh bán lẻ hạng III cấp xã để phục vụ nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa cho sản xuất và đời sống hàng ngày của người dân. Bố trí chợ gần các cụm dân cư tập trung ở nông thôn hoặc gần các khu công nghiệp để phục vụ công nhân. Đối với địa bàn phường, cần chọn lọc và thiết kế mạng lưới chợ theo hướng văn minh, hiện đại, hài hòa với quy hoạch các cơ sở bán lẻ hiện đại (siêu thị, trung tâm mua sắm, cửa hàng tiện lợi), hạn chế phát triển mới, chỉ quy hoạch xây mới chợ tại những khu vực có nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa tương đối lớn và ổn định, đáp ứng đủ các tiêu chí quy hoạch về diện tích mặt bằng và đảm bảo các quy định hiện hành về an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

4. Quy hoạch phát triển

4.1. Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ đầu mối

a) Tiêu chí quy hoạch

- Về vị trí (địa điểm): Gần vùng nông sản hàng hóa tập trung, ổn định với quy mô lớn hoặc gần trung tâm tiêu dùng, ngoại vi các đô thị lớn; gần đầu mối giao thông, kết nối thuận tiện với mạng lưới đường bộ, đường sông hoặc đường sắt; đảm bảo các quy định hiện hành về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn giao thông và không gây tác động xấu tới môi trường;

- Về quy mô (diện tích): Diện tích mặt bằng nền chợ tối thiểu là 8.000m² (đối với chợ cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn chợ đầu mối) và tối thiểu 10.000 m² (đối với chợ đầu mối xây mới) không kể diện tích dành cho khuôn viên, đường đi, bãi đỗ xe và các công trình phụ trợ khác;

- Về thiết kế kiến trúc và tổ chức không gian: Kiến trúc xây lắp và kết cấu không gian phù hợp, thích hợp với tính chất và công năng của chợ đầu mối bán buôn nông sản thực phẩm; trong đó bảo đảm có phân khu chức năng trọng yếu như khu giao dịch dành cho thương nhân bán buôn; khu giao dịch dành cho người sản xuất đưa hàng vào chợ bán; khu sơ chế, bao gói hàng hóa; khu tạm trữ và các khu dịch vụ phụ trợ khác;

- Về yêu cầu kỹ thuật: Bảo đảm có đủ cơ sở vật chất và kỹ thuật để thực thi các nhiệm vụ về phòng cháy, chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

b) Phương án quy hoạch

Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ đầu mối toàn quốc giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2035 như sau:

Công nhận trong quy hoạch 14 chợ đầu mối hiện có.

(Danh mục các chợ đầu mối hiện có được tồn tại trong Quy hoạch tại Phụ lục số 1)

- Xoá bỏ hoặc di dời 13 chợ đầu mối không đảm bảo các điều kiện theo tiêu chí quy hoạch hoặc hiệu quả kinh doanh thấp phải chuyển đổi công năng.

(Danh mục các chợ đầu mối phải xoá bỏ hoặc di dời tại Phụ lục số 2)

- Cải tạo, nâng cấp 9 chợ đầu mối để đạt chuẩn theo tiêu chí quy hoạch. Trường hợp thương nhân không thực hiện cải tạo, nâng cấp chợ đầu mối theo đúng quy định sẽ chuyển sang diện phải xóa bỏ.

(Danh mục các chợ đầu mối phải cải tạo, nâng cấp tại Phụ lục số 3)

- Xây dựng mới 55 chợ đầu mối, trong đó ưu tiên thương nhân kinh doanh chợ đầu mối thuộc diện giải tỏa, di dời được đầu tư tại các địa điểm quy hoạch mới.

(Danh mục địa điểm các chợ đầu mối Quy hoạch xây mới tại Phụ lục số 4)

- Tầm nhìn đến năm 2035: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp để đạt chuẩn đối với các chợ đầu mối xuống cấp. Ngoài ra, tùy theo điều kiện thực tế trong giai đoạn 2026 - 2035 để lựa chọn bổ sung quy hoạch xây mới chợ đầu mối tại các khu vực có nhu cầu và đáp ứng tiêu chí quy hoạch.

4.2. Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ hạng I

a) Tiêu chí quy hoạch

- Về vị trí (địa điểm): Tại trung tâm kinh tế - thương mại của các thị trấn, thị xã, thành phố tương đương đô thị loại IV trở lên, trung tâm kinh tế - thương mại của các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; có khả năng kết nối và sử dụng thuận tiện mạng lưới giao thông đến các chợ vừa và nhỏ trong nội thị và đến các chợ khu vực, chợ vùng khác của địa phương; đảm bảo các quy định hiện hành về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn giao thông và không gây tác động xấu tới môi trường, môi sinh;

- Về quy mô (diện tích): Diện tích mặt bằng nền chợ tối thiểu là 6.000 m² (đối với chợ cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn chợ hạng I) và tối thiểu là 8.000 m² (đối với chợ hạng I chợ mới) không kể diện tích dành cho đường đi, bãi đỗ xe và các công trình phụ trợ khác, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại với số điểm và hộ kinh doanh chuyên nghiệp, thường xuyên trong chợ tối thiểu trên 400 điểm kinh doanh;

- Về thiết kế kiến trúc và tổ chức không gian: Kiến trúc xây lắp và kết cấu không gian phù hợp với tính chất và công năng của chợ tổng hợp hạng I, trong đó bao đảm có phân khu chức năng trọng yếu như khu bán buôn, bán lẻ, khu giao dịch trực tiếp giữa người sản xuất với người tiêu dùng và các khu dịch vụ phụ trợ khác;

- Về yêu cầu kỹ thuật: Bảo đảm có đầy đủ, đồng bộ các phương tiện, vật tư kỹ thuật, trang thiết bị và công trình xây lắp theo quy định hiện hành về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Phương án quy hoạch

Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ hạng I toàn quốc giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2035 như sau:

- Công nhận trong quy hoạch 58 chợ hạng I hiện có.

(Danh mục các chợ hạng I hiện có được tồn tại trong Quy hoạch tại Phụ lục số 5)

- Xoá bỏ hoặc di dời 7 chợ hạng I không đảm bảo các điều kiện theo tiêu chí quy hoạch hoặc hiệu quả kinh doanh thấp phải chuyển đổi công năng.

(Danh mục các chợ hạng I phải xoá bỏ hoặc di dời tại Phụ lục số 6)

- Cải tạo, nâng cấp 147 chợ hạng I để đạt chuẩn theo tiêu chí quy hoạch. Trường hợp thương nhân không thực hiện cải tạo, nâng cấp chợ hạng I theo đúng quy định sẽ chuyển sang diện phải xóa bỏ.

(Danh mục các chợ hạng I phải cải tạo, nâng cấp tại Phụ lục số 7)

- Xây dựng mới 99 chợ hạng I. Trong đó ưu tiên thương nhân kinh doanh chợ hạng I thuộc diện giải tỏa, di dời được đầu tư tại các địa điểm quy hoạch mới.

(Danh mục địa điểm các chợ hạng I Quy hoạch xây mới tại Phụ lục số 8)

- Tầm nhìn đến 2035: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp để đạt chuẩn đối với các chợ đầu mối xuồng cấp. Ngoài ra, tuỳ theo điều kiện thực tế trong giai đoạn 2026 - 2035 để lựa chọn bổ sung quy hoạch xây mới chợ hạng I tại các khu vực có nhu cầu và đáp ứng tiêu chí quy hoạch.

4.3. Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ hạng II, III

Quán triệt các định hướng phát triển trong Quy hoạch này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập và phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ của địa phương, gồm mạng lưới chợ hạng II (chủ yếu là chợ trung tâm huyện) và mạng lưới chợ dân sinh hạng III (xã, phường) trên cơ sở cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại của địa phương và phù hợp với các quy hoạch có liên quan.

5. Một số giải pháp chủ yếu

a) Giải pháp về vốn đầu tư xây dựng chợ

- Khai thác các nguồn vốn theo hướng kết hợp vốn hỗ trợ của nhà nước (ưu tiên đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) với các nguồn vốn khác theo hướng xã hội hóa tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi (đầu tư xây dựng chợ hạng I, hạng II ở trung tâm thành phố, thị xã lớn, có vị trí thuận lợi về thương mại, giao thông...).

- Đối với ngân sách Trung ương: Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, kết hợp với các nguồn vốn khác từ Chương trình 135, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ để tập trung hỗ trợ xây dựng hạ tầng (giải phóng và san lấp mặt bằng, xây dựng hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống điện, đường giao thông nội bộ....) của các chợ đầu mối tại các vùng sản xuất nông sản tập trung, chợ trung tâm huyện, chợ biên giới, chợ dân sinh thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, nhất là mạng lưới chợ tại 62 huyện nghèo.

- Đối với vốn ngân sách địa phương: Bố trí ngân sách thích hợp cho bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng giao thông, điện nước..., trong đó, tập trung hỗ trợ các chợ đầu mối, chợ trung tâm huyện, chợ hạng II, hạng III ở vùng nông thôn, miền núi, nhất là các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Đối với chợ đầu mối, đề nghị cho phép sử dụng nguồn vốn khuyến nông, vốn vay ODA để tạo mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng (xây dựng hệ thống cấp điện, cấp nước) và khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phục vụ mua bán, chế biến, bảo quản, kho chứa.

- Đối với chợ khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhà nước ưu tiên đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ chính thức (ODA).

- Thực hiện xã hội hóa trong đầu tư phát triển chợ, trước hết là tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển và tại các địa bàn đô thị. Đồng thời, cần quan tâm hơn đến các chính sách khuyến khích và thu hút nguồn vốn xã hội đầu tư xây dựng chợ.

b) Giải pháp về đất đai

- Ưu tiên lựa chọn các vị trí có quỹ đất phù hợp, thuận lợi về giao thông đường bộ, đường thủy... khai thác tối ưu quỹ đất phi nông nghiệp hoặc đất nông nghiệp có hiệu quả thấp để chuyển đổi sang đất thương mại dịch vụ.

- Các địa phương cần xác định rõ tính chất của từng dự án chợ để bố trí và cấp quỹ đất phù hợp với mức giá cho thuê hợp lý để các nhà đầu tư xây dựng và khai thác chợ hiệu quả.

- Có chế độ ưu đãi đặc biệt về đất đai cho các dự án chợ tại các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

c) Giải pháp phát triển thương nhân kinh doanh trong chợ

- Tạo môi trường thuận lợi cho hộ kinh doanh trong chợ: cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng chợ, mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

- Định hướng cho thương nhân trong việc xây dựng và thực thi chiến lược mở rộng kinh doanh, đặc biệt là các thương nhân đảm nhận phân phối hàng hóa quy mô lớn tại chợ đầu mối, chợ hạng I.

- Tạo điều kiện cho thương nhân phát triển các liên kết dọc, liên kết ngang trong kinh doanh bán buôn, đặc biệt là tại các chợ đầu mối cấp vùng, liên vùng.

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng cho tiểu thương các kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến hoạt động kinh doanh trong chợ.

d) Phát triển dịch vụ trong chợ

- Phát triển đồng bộ các dịch vụ tiếp nhận, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển hàng hoá; bổ sung các dịch vụ đóng gói, hiệu chỉnh, phân loại, kiểm định chất lượng hàng hoá, tạo giá trị tăng thêm cho hàng hóa phân phối qua chợ.

- Phát triển dịch vụ bảng điện tử, cung cấp thông tin kinh tế, thị trường, cơ chế chính sách cho tiểu thương.

- Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự, văn minh thương mại, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận thương mại trong chợ.

d) Giải pháp về tổ chức quản lý chợ

- Đơn giản hóa và nâng cao chất lượng công vụ hành chính liên quan đến hoạt động quản lý chợ.

- Cải cách hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về chợ, khắc phục tình trạng

chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan quản lý nhà nước về chợ và đơn vị quản lý, kinh doanh chợ.

- Việc lựa chọn mô hình tổ chức quản lý chợ phải tuân thủ quy định hiện hành của Nhà nước và phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của từng địa phương, đồng thời phải đảm bảo tính ổn định và sự thuận lợi tối đa cho hoạt động mua bán trong chợ.

e) Giải pháp về cơ chế, chính sách phát triển chợ

- Vận dụng và thực hiện có hiệu quả các cơ chế hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư xây dựng hạ tầng chợ trong các chính sách hiện hành.

- Ở những nơi điều kiện kinh doanh khó khăn, cả doanh nghiệp lẫn người dân đều không có khả năng hoặc không muốn đầu tư, trong khi nhu cầu về chợ là rất bức xúc thì Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ một phần vốn đầu tư như đèn bù, giải tỏa, san lấp mặt bằng, lắp đặt điện nước và làm đường đi lại trong chợ hoặc Nhà nước góp vốn đầu tư chợ theo hình thức hợp tác công tư.

Sở Công Thương tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới chợ của tỉnh, thành phố phù hợp với chính sách hiện hành của Nhà nước.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, ban hành cơ chế phân bổ và sử dụng vốn đầu tư xây dựng chợ. Đồng thời, giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan phân bổ vốn và thẩm định các dự án đầu tư chợ trên địa bàn.

- Sửa đổi, bổ sung một số chính sách hiện hành có liên quan đến phát triển và quản lý chợ theo hướng tăng cường mức độ khuyến khích, ưu đãi đầu tư để thu hút vốn từ các thành phần kinh tế tham gia xây dựng, phát triển và quản lý chợ.

- Chuẩn hóa và thống nhất hóa các khái niệm, công năng, tiêu chí hình thành các loại hình chợ đầu mối, chợ hạng I trong các văn bản có liên quan đến phát triển và quản lý chợ.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông kết nối với chợ, nhất là các chợ đầu mối bán buôn có quy mô lớn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố Quy hoạch và chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, kiểm tra quá trình thực hiện “Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035”.

Định kỳ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức hội nghị đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, từ đó có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển mạng lưới chợ trên phạm vi toàn quốc.

2. Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Quy hoạch.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc lập mới quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới chợ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ưu tiên dành nguồn vốn ngân sách địa phương hỗ trợ các dự án đầu tư phát triển chợ trên địa bàn phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ toàn quốc.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ ngành liên quan kiểm tra, giám sát thực hiện Quy hoạch; giao Sở Công Thương chủ trì, tổng hợp tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn hàng năm, đề xuất kiến nghị và báo cáo về Bộ Công Thương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này!.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban Kinh tế Trung ương (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Website Bộ Công Thương;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ;
- Viện Nghiên cứu Thương mại;
- Lưu: VT, KH (2b).



PHỤ LỤC SỐ 1
DANH MỤC CHỢ ĐẦU MỐI HIỆN CÓ
ĐƯỢC GIỮ NGUYÊN TRONG QUY HOẠCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2015/QĐ-BCT
ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm |
|--|-----|---|---|
| Hà Nội | 1 | Chợ đầu mối Minh Khai | Quận Bắc Từ Liêm |
| Hải Dương | 1 | Chợ đầu mối nông sản Gia Xuyên | Huyện Gia Lộc |
| | 2 | Chợ Đô | Xã Úng Hòe, huyện Ninh Giang |
| Hà Nam | 1 | Chợ đầu mối gia cầm | Huyện Bình Lục |
| Ninh Bình | 1 | Chợ đầu mối thủy sản Kim Đông | Xã Kim Đông, huyện Kim Sơn |
| Thái Nguyên | 1 | Chợ Túc Duyên | Phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên |
| Thanh Hóa | 1 | Chợ đầu mối rau quả Đông Hương | Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa |
| | 2 | Chợ đầu mối gia súc | Huyện Yên Định |
| Đà Nẵng | 1 | Chợ đầu mối Hòa Cường | Phường Hòa Cường Nam |
| Khánh Hòa | 1 | Cảng cá Hòn Rơ và chợ thủy sản Nam Trung bộ | Xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang |
| Bình Dương | 1 | Chợ đầu mối rau quả | Phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một |
| Thành phố Hồ Chí Minh | 1 | Chợ đầu mối Thủ Đức | Quận Thủ Đức |
| | 2 | Chợ đầu mối Bình Điền | Quận 8 |
| | 3 | Chợ đầu mối Hóc Môn | Huyện Hóc Môn |
| Tổng cộng | 14 | | |

PHỤ LỤC SỐ 2

DANH MỤC CHỢ ĐẦU MỐI HIỆN CÓ PHẢI XOÁ BỎ, DI DỜI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6481/QĐ-BCT

ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Giai đoạn đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|---|--|----------------------|-----------|
| | | | | 2015 - 2020 | 2021-2025 |
| Hà Nội | 1 | Chợ đầu mối phía Nam | Quận Hoàng Mai | | x |
| | 2 | Chợ đầu mối Long Biên | Quận Ba Đình | x | |
| Vĩnh Phúc | 1 | Chợ đầu mối nông sản Thủ Tang | Thôn Tân Tiên, xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường | x | |
| Hải Dương | 1 | Chợ chuyên doanh rau quả vùng Đồng bằng sông Hồng | Thành phố Hải Dương | Chuyển đổi công năng | |
| Thái Bình | 1 | Chợ đầu mối hải sản Đông Minh | Huyện Tiên Hải | Chuyển đổi công năng | |
| | 2 | Chợ đầu mối thu mua hàng nông sản thực phẩm Phú Sơn | Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà | Chuyển đổi công năng | |
| Bắc Giang | 1 | Chợ hoa quả Lục Ngạn | Huyện Lục Ngạn | Chuyển đổi công năng | |
| Hà Giang | 1 | Chợ đầu mối hoa quả Vĩnh Tuy | Thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang | Chuyển đổi công năng | |
| Nghệ An | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Huyện Nghi Lộc | Chuyển đổi công năng | |
| Ninh Thuận | 1 | Chợ Tân Tài | Thành phố Phan Rang | x | |
| Gia Lai | 1 | Chợ rau, quả, thực phẩm | Phường Diên Hồng, thành phố Pleiku | x | |
| Tây Ninh | 1 | Chợ đầu mối rau quả | Xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu | x | |
| Cần Thơ | 1 | Chợ Thốt Nốt | Huyện Thốt Nốt | Chuyển đổi công năng | |
| Tổng cộng | 13 | | | | |

PHỤ LỤC SỐ 3

DANH MỤC CHỢ ĐẦU MỐI HIỆN CÓ ĐƯỢC TỒN TẠI
TRONG QUY HOẠCH PHẢI CÀI TẠO, NÂNG CẤP(Ban hành kèm theo Quyết định số 6481/QĐ-BCT
ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Giai đoạn đầu tư | |
|---|-----|--------------------------------------|--|------------------|-----------|
| | | | | 2015 - 2020 | 2021-2025 |
| Hưng Yên | 1 | Chợ đầu mối nông sản Đông Tảo | Huyện Khoái Châu | x | |
| Thừa Thiên Huế | 1 | Chợ đầu mối Phú Hậu | Phường Phú Hậu, thành phố Huế | x | |
| Đà Nẵng | 1 | Chợ đầu mối thủy sản Thọ Quang | Phường Thọ Quang | | x |
| Lâm Đồng | 1 | Chợ nông sản Đà Lạt | Phường 11, thành phố Đà Lạt | x | |
| Tây Ninh | 1 | Chợ đầu mối nông thủy sản | Thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành | x | |
| Tiền Giang | 1 | Chợ đầu mối trái cây Vĩnh Kim | Xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành | x | |
| Bến Tre | 1 | Chợ đầu mối nông thủy sản Bến Tre | Phường 8, thành phố Bến Tre | x | |
| Đồng Tháp | 1 | Chợ đầu mối trái cây | Xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh | x | |
| Sóc Trăng | 1 | Chợ đầu mối thủy sản | Phường 4, thành phố Sóc Trăng | x | |
| Tổng cộng | 9 | | | 8 | 1 |

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 4
DANH MỤC ĐỊA ĐIỂM QUY HOẠCH XÂY MỚI CHỢ ĐẦU MÓI
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6481/QĐ-BCT
ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Loại hình | Phân kỳ đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|--------------------------------|--|--------------------|----------------|-------------|
| | | | | | 2015 - 2020 | 2021 - 2025 |
| Hà Nội | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Xã Phù Đông, huyện Gia Lâm | Nông sản | x | |
| | 2 | Chợ đầu mối nông sản | Huyện Quốc Oai | Nông sản | | x |
| | 3 | Chợ đầu mối nông sản | Huyện Phú Xuyên | Nông sản | | x |
| Quảng Ninh | 1 | Chợ đầu mối thủy sản Vạn Đồn | Thị trấn Cái Rồng, huyện Vạn Đồn | Thủy sản | x | |
| Hải Phòng | 1 | Chợ đầu mối rau quả | Phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng | Rau quả | x | |
| Thái Bình | 1 | Chợ đầu mối rau quả Quỳnh Hải | Xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ | Rau quả | | x |
| Hà Nam | 1 | Chợ Liêm Chung | Thành phố Phủ Lý | Rau củ | x | |
| Ninh Bình | 1 | Chợ đầu mối rau quả Ninh Bình | Thành phố Ninh Bình | Rau quả | | x |
| Cao Bằng | 1 | Chợ đầu mối rau quả | Thành phố Cao Bằng | Rau quả | | x |
| Lào Cai | 1 | Chợ đầu mối Kim Thành | Khu TMCN Kim Thành, thành phố Lào Cai | Nông sản | | x |
| Yên Bái | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Thị trấn Cố Phúc, huyện Trấn Yên | Nông sản | | x |
| Lạng Sơn | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Ngoài vi thành phố Lạng Sơn | Nông sản | | x |
| Bắc Giang | 1 | Chợ đầu mối gia cầm | Huyện Yên Thế | Gia cầm | x | |
| Hà Giang | 1 | Chợ đầu mối hoa quả Hùng An | Xã Hùng An, huyện Bắc Quang | Nông sản, trái cây | x | |
| Phú Thọ | 1 | Chợ đầu mối nông sản Việt Trì | Thành phố Việt Trì | Rau củ | x | |
| Điện Biên | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ | Nông sản | | x |
| Lai Châu | 1 | Chợ đầu mối thành phố Lai Châu | Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu | Rau củ | | x |
| Sơn La | 1 | Chợ đầu mối nông sản Cò Nòi | Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn | Nông sản | x | |
| Hòa Bình | 1 | Chợ đầu mối nông sản Bung | Thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong | Nông sản | | x |
| Thanh Hóa | 1 | Chợ đầu mối hải sản | Phường Quân Tiến, Thị xã Sầm Sơn | Thủy sản | x | |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Loại hình | Phân kỳ đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|--|--|--------------------|----------------|-------------|
| | | | | | 2015 - 2020 | 2021 - 2025 |
| Nghệ An | 1 | Chợ đầu mối thủy sản Diễn Châu | Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu | Thủy sản | | x |
| Hà Tĩnh | 1 | Chợ đầu mối thủy sản Cẩm Nhượng | Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên | Thủy sản | | x |
| Đà Nẵng | 1 | Chợ đầu mối kinh doanh, giết mổ gia súc và kinh doanh nông sản | Xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang | Nông sản | x | |
| Quảng Nam | 1 | Chợ đầu mối nông sản Trường Xuân | Phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ | Nông sản | x | |
| Quảng Ngãi | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Thành phố Quảng Ngãi | Nông sản | x | |
| | 2 | Chợ đầu mối hải sản | Xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi | Thủy sản | | x |
| Phú Yên | 1 | Chợ đầu mối thủy sản Dân Phước | Phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu | Thủy sản | x | |
| Ninh Thuận | 1 | Chợ đầu mối Khánh Hải | Thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải | Nông, thủy sản | | x |
| Bình Thuận | 1 | Chợ đầu mối thủy sản | Cảng Phan Thiết | Thủy sản | x | |
| Kon Tum | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum | Rau quả | x | |
| Gia Lai | 1 | Chợ đầu mối rau củ | Xã Cư An, huyện Đăk Po | Rau củ | | x |
| Đăk Lăk | 1 | Chợ Tân Hòa | Phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột | Rau củ | x | |
| Lâm Đồng | 1 | Chợ đầu mối nông sản chất lượng cao | Thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng | Rau củ | x | |
| Bình Phước | 1 | Chợ đầu mối nông sản Chơn Thành | Xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành | Rau quả | | x |
| Đồng Nai | 1 | Chợ đầu mối rau quả Biên Hòa | Phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa | Rau quả | x | |
| | 2 | Chợ đầu mối nông sản | Huyện Thủ Đức | Nông sản | x | |
| | 3 | Chợ đầu mối nông sản-trái cây | Thị xã Long Khánh | Nông sản, trái cây | | x |
| | 4 | Chợ đầu mối nông sản tổng hợp | Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành | Nông sản | | x |
| Bà Rịa - Vũng Tàu | 1 | Chợ đầu mối thủy sản | Cảng Phước Hiệp, Phước Tỉnh, huyện Long Điền | Thủy sản | | x |
| Long An | 1 | Chợ đầu mối rau quả | Xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa | Rau quả | x | |
| Tiền Giang | 1 | Chợ đầu mối rau quả | Phường 6, thành phố Mỹ Tho | Rau quả | x | |
| Bến Tre | 1 | Chợ đầu mối trái cây hoa kiểng | Xã Sơn Định, huyện Chợ Lách | Trái cây | x | |
| Trà Vinh | 1 | Chợ đầu mối thủy sản | Ấp 10, xã Long Hữu, huyện Duyên Hải | Thủy sản | x | |
| Vĩnh Long | 1 | Trung tâm giao dịch hàng nông sản Bình Minh | Phường Thành Phước, thị xã Bình Minh | Rau quả | | x |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Loại hình | Phân kỳ đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|--|--|-----------|----------------|-------------|
| | | | | | 2015 - 2020 | 2021 - 2025 |
| | 2 | Chợ đầu mối cam sành Tam Bình | Xã Tường Lộc, huyện Tam Bình | Trái cây | x | |
| An Giang | 1 | Chợ đầu mối nông sản Vĩnh Mỹ | Phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc | Nông sản | | x |
| | 2 | Chợ đầu mối rau quả xuất khẩu Khánh Bình | Huyện An Phú | Rau củ | x | |
| Kiên Giang | 1 | Chợ đầu mối thủy sản Tắc Cậu | Huyện Châu Thành | Thủy sản | | x |
| Sóc Trăng | 1 | Chợ đầu mối trái cây | Xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách | Trái cây | x | |
| Cần Thơ | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Quận Cái Răng | Nông sản | | x |
| Hậu Giang | 1 | Chợ đầu mối Ngã Bảy | Xã Đại Thành, thị xã Ngã Bảy | Nông sản | | x |
| Bạc Liêu | 1 | Chợ đầu mối thủy sản Chủ Chí | Xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long | Thủy sản | x | |
| | 2 | Chợ đầu mối rau củ quả | Thành phố Bạc Liêu | Rau quả | | x |
| Cà Mau | 1 | Chợ đầu mối nông sản | Khóm 6, phường 1, thành phố Cà Mau | Nông sản | x | |
| | 2 | Chợ đầu mối thủy sản | Áp Bà Điều, Hòa Trung, Xã Lý Văn Lâm | Thủy sản | | x |
| Tổng cộng | 55 | | | | 28 | 27 |

PHỤ LỤC SỐ 5

DANH MỤC CHỢ HẠNG I HIỆN CÓ
GIỮ NGUYÊN TRONG QUY HOẠCH(Ban hành kèm theo Quyết định số 6481/QĐ-BCT
ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm |
|---|-----|----------------------------|--|
| Hà Nội | 1 | Chợ Đồng Xuân | Quận Hoàn Kiếm |
| | 2 | Chợ Mơ | Quận Hai Bà Trưng |
| | 3 | Chợ Bưởi | Quận Tây Hồ |
| | 4 | Chợ Hà Đông | Quận Hà Đông |
| | 5 | Chợ Nghệ | Thị xã Sơn Tây |
| | 6 | Chợ Thị trấn Văn Đèn | Huyện Ứng Hòa |
| Quảng Ninh | 1 | Chợ Thị trấn Tiên Yên | Thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên |
| | 2 | Chợ Đầm Hà | Thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà |
| | 3 | Chợ Hạ Long I | Thành phố Hạ Long |
| | 4 | Chợ Vườn Đào | Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long |
| | 5 | Chợ Hạ Long II | Thành phố Hạ Long |
| | 6 | Chợ Hồng Hà | Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long |
| | 7 | Chợ Minh Thành | Phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên |
| | 8 | Chợ Thị trấn Hải Hà | Thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà |
| | 9 | Chợ Cẩm Đông | Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả |
| Hải Phòng | 1 | Chợ Quán Toan | Quận Hồng Bàng |
| Hưng Yên | 1 | Chợ Gạo | Thành phố Hưng Yên |
| | 2 | Chợ Phù | Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu |
| | 3 | Chợ và khu nhà ở TM Yên Mỹ | Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ |
| Thái Bình | 1 | Chợ Bo | Thành phố Thái Bình |
| Lạng Sơn | 1 | Chợ Lạng Sơn | Khu đô thị Phú Lộc, thành phố Lạng Sơn |
| | 2 | Chợ Hữu Nghị | Huyện Văn Lãng |
| Bắc Giang | 1 | Chợ Thương | Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang |
| Phú Thọ | 1 | Chợ trung tâm Việt Trì | Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì |
| Thanh Hóa | 1 | Chợ Vườn Hoa | Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa |
| | 2 | Chợ Tây Thành | Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa |
| | 3 | Chợ Điện Biên | Phường Điện Biên, thành phố Thanh |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm |
|---|-----|----------------------------|--|
| | | | Hà |
| Hà Tĩnh | 1 | Chợ Hội | Thị xã Cẩm Xuyên |
| Thừa Thiên Huế | 1 | Chợ Tây Lộc | Phường Tây Lộc, thành phố Huế |
| Đà Nẵng | 1 | Chợ Cồn | Phường Hải Châu II |
| | 2 | Chợ Đống Đa | Phường Thuận Phước |
| | 3 | Chợ ST Nguyễn Kim | Phường Chính Gián |
| | 4 | Chợ Hòa Khánh | Phường Hòa Khánh Bắc |
| Quảng Nam | 1 | Chợ Tam Kỳ | Phường Phước Hòa, thành phố Tam Kỳ |
| Bình Định | 1 | Chợ lớn mới Quy Nhơn | Phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn |
| | 2 | Chợ Đàm | Phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn |
| | 3 | Chợ khu VI | Phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn |
| | 4 | Chợ Dinh | Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn |
| | 5 | Chợ Phù Mỹ | Huyện Phù Mỹ |
| Khánh Hòa | 1 | Chợ Vĩnh Hải | Phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang |
| Bình Thuận | 1 | Chợ Phan Thiết | Phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết |
| Gia Lai | 1 | Chợ TT thành phố Pleiku | Thành phố Pleiku |
| | 2 | Chợ huyện | Thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa |
| Đăk Lăk | 1 | Chợ Buôn Ma Thuột | Phường Thông Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột |
| Lâm Đồng | 1 | Chợ mới - khu C chợ Đà Lạt | Đường Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố Đà Lạt. |
| Bà Rịa - Vũng Tàu | 1 | Chợ Bà Rịa | Phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa |
| | 2 | Chợ Kim Long | Xã Kim Long, huyện Châu Đức |
| Thành phố Hồ Chí Minh | 1 | Chợ Bến Thành | Quận 1 |
| Long An | 1 | Chợ Tân An | Phường 1, thành phố Tân An |
| Tiền Giang | 1 | Chợ Cũ | Phường 8, thành phố Mỹ Tho |
| | 2 | Chợ Thạnh Trị | Phường 4, thành phố Mỹ Tho |
| Đồng Tháp | 1 | Chợ Mỹ Tho | Thị trấn Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh |
| An Giang | 1 | Chợ Long Xuyên | Phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên |
| Kiên Giang | 1 | Chợ Rạch Sỏi | Phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá |
| | 2 | Chợ 30/4 | Phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá |
| Cần Thơ | 1 | Chợ Thốt Nốt | Quận Thốt Nốt |
| | 2 | Chợ Tân An | Phường Tân An, quận Ninh Kiều |
| Hậu Giang | 1 | Chợ Vị Thanh | Phường 3, thành phố Vị Thanh |
| Tổng cộng | 58 | | |

PHỤ LỤC SỐ 6

DANH MỤC CHỢ HẠNG I HIỆN CÓ PHẢI XOÁ BỎ, DI DỜI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6481/QĐ-BCT)

ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|--|-----|---|---|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| Thái Bình | 1 | Chợ Thị trấn Hung Hà | Thị trấn Hung Hà, huyện Hung Hà | x | |
| Bình Định | 1 | Chợ Diêu Trì | Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước | x | |
| | 2 | Chợ Bình Định | Phường Bình Định, thị xã An Nhơn | x | |
| Lâm Đồng | 1 | Chợ Bảo Lộc | Phường I, thành phố Bảo Lộc | x | |
| Bình Dương | 1 | Chợ Lái Thiêu | Khu Phố Chợ, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An | x | |
| Cần Thơ | 1 | Chợ Vĩnh Thạnh | Huyện Vĩnh Thạnh | | x |
| Sóc Trăng | 1 | Chợ Trung tâm thành phố Sóc Trăng | Phường I, thành phố Sóc Trăng | x | |
| Tổng cộng | 7 | | | 6 | 1 |

PHỤ LỤC SỐ 7
DANH MỤC CHỢ HẠNG I HIỆN CÓ ĐƯỢC TỒN TẠI
TRONG QUY HOẠCH PHẢI CÁI TẠO, NÂNG CẤP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-BCT
ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|------------------------|---------------------------------------|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| Hà Nội | 1 | Chợ Ngã Tư Sở | Quận Đống Đa | | x |
| | 2 | Chợ Hôm | Quận Hai Bà Trưng | | x |
| | 3 | Chợ Vòi | Huyện Thường Tín | x | |
| | 4 | Chợ Nành | Huyện Gia Lâm | x | |
| Vĩnh Phúc | 1 | Chợ Vĩnh Yên | Thành phố Vĩnh Yên | x | |
| | 2 | Chợ Phúc Yên | Thị xã Phúc Yên | x | |
| | 3 | Chợ Lập Thạch | Huyện Lập Thạch | x | |
| Bắc Ninh | 1 | Chợ TTTM Lim | Thị trấn Lim, huyện Tiên Du | x | |
| Quảng Ninh | 1 | Chợ Cái Dăm | Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long | x | |
| | 2 | Chợ Trung tâm Móng Cái | Phường Trần Phú, thành phố Móng Cái | x | |
| | 3 | Chợ 2 | Phường Trần Phú, thành phố Móng Cái | x | |
| | 4 | Chợ 3 | Phường Trần Phú, thành phố Móng Cái | x | |
| | 5 | Chợ Togi | Thành phố Móng Cái | x | |
| | 6 | Chợ Trung tâm Cẩm Phả | Phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả | x | |
| | 7 | Chợ Trung tâm Uông Bí | Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí | x | |
| | 8 | Chợ Rừng | Phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên | | x |
| | 9 | Chợ Cột | Thị trấn Đông Triều, huyện Đông Triều | | x |
| | 10 | Chợ Mạo Khê | Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều | x | |
| | 11 | Chợ Trói | Huyện Hoành Bồ | x | |
| | 12 | Chợ Cái Rồng | Thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn | x | |
| Hải Phòng | 1 | Chợ Tam Bạc | Quận Hồng Bàng | | x |
| | 2 | Chợ Sắt | Quận Hồng Bàng | x | |
| | 3 | Chợ An Dương | Quận Lê Chân | x | |
| | 4 | Chợ Ga | Quận Ngũ Quyền | | x |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|--|-----|-----------------|--|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| | 5 | Chợ Núi Đèo | Huyện Thủy Nguyên | | x |
| Hưng Yên | 1 | Chợ Như Quỳnh | Huyện Văn Lâm | x | |
| | 2 | Chợ Phố Hiến | Phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên | x | |
| Thái Bình | 1 | Chợ Quỳnh Côi | Thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ | | x |
| Hà Nam | 1 | Chợ Phù Lý | Phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phù Lý | x | |
| Nam Định | 1 | Chợ Rồng | Thành phố Nam Định | x | |
| | 2 | Chợ Mỹ Tho | Thành phố Nam Định | x | |
| Ninh Bình | 1 | Chợ Rồng | Phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình | | x |
| Cao Bằng | 1 | Chợ Sông Băng | Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng | x | |
| | 2 | Chợ Xanh | Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng | | x |
| Bắc Kạn | 1 | Chợ Bắc Kạn | Phường Sông Cầu, thị xã Bắc Kạn | x | |
| Tuyên Quang | 1 | Chợ Tam Cờ | Phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang | | x |
| Lào Cai | 1 | Chợ Cốc Lếu | Thành phố Lào Cai | x | |
| Thái Nguyên | 1 | Chợ Thái | Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên | | x |
| | 2 | Chợ Đồng Quang | Phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên | | x |
| | 3 | Chợ Ba Hàng | Thị trấn Ba Hàng, huyện Phò Yên | | x |
| Lạng Sơn | 1 | Chợ Đông Kinh | Phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn | | x |
| Phú Thọ | 1 | Chợ Mè | Thị xã Phú Thọ | | x |
| Điện Biên | 1 | Chợ Trung Tâm I | Phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên | x | |
| Thanh Hóa | 1 | Chợ Bỉm Sơn | Phường Ngọc Trao, thị xã Bỉm Sơn | | x |
| | 2 | Chợ Đông Thành | Phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa | x | |
| | 3 | Chợ Nam Thành | Phường Đông Lê, thành phố Thanh Hóa | x | |
| | 4 | Chợ Còng | Thị trấn Tịnh Gia, huyện Tịnh Gia | | x |
| Nghệ An | 1 | Chợ Vinh | Thành phố Vinh | x | |
| | 2 | Chợ Ga | Phường Lê Lợi, thành phố Vinh | x | |
| | 3 | Chợ Bên Thùy | Phường Bên Thùy, thành phố Vinh | | x |
| | 4 | Chợ Mai Dâu | Xã Nghi Phú, thành phố Vinh | | x |
| | 5 | Chợ Phú Diễn | Xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu | | x |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|--|--|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| | 6 | Chợ Thị trấn Đô Lương | Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương | | x |
| | 7 | Chợ Hiếu | Thị xã Thái Hòa | x | |
| | 8 | Chợ Trung tâm thương mại thị trấn Thanh Chương | Huyện Thanh Chương | | x |
| | 9 | Chợ Thị trấn Anh Sơn | Thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn | | x |
| Hà Tĩnh | 1 | Chợ thành phố Hà Tĩnh | Phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh | x | |
| Quảng Bình | 1 | Chợ Ba Đồn | Thị xã Ba Đồn | x | |
| | 2 | Chợ Hoàn Lão | Thị trấn Hoàn Lão, huyện Lệ Thủy | | x |
| | 3 | Chợ Đồng Hới | Thành phố Đồng Hới | x | |
| | 4 | Chợ Nam Lý | Thành phố Đồng Hới | | x |
| | 5 | Chợ Tréo | Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy. | x | |
| Quảng Trị | 1 | Chợ Đông Hà | Phường 1, thành phố Đông Hà | | x |
| | 2 | Chợ Khe Sanh | Thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa | | x |
| | 3 | Chợ Cầu | Thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh | | x |
| | 4 | Chợ Hồ Xá 1 | Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh | x | |
| | 5 | Chợ Quảng Trị | Phường 2, Thị xã Quảng Trị | x | |
| Thừa Thiên Huế | 1 | Chợ Đông Ba | Phường Phú Hòa, thành phố Huế | x | |
| | 2 | Chợ An Cựu | Phường Phú Hội, thành phố Huế | | x |
| Đà Nẵng | 1 | Chợ Hàn | Phường Hải Châu I | | x |
| | 2 | Chợ Mới | Phường Hòa Thuận Đông | | x |
| Quảng Nam | 1 | Chợ Hội An | Khối An Định, phường Minh An, thành phố Hội An | x | |
| Quảng Ngãi | 1 | Chợ Quảng Ngãi | Thành phố Quảng Ngãi | x | |
| | 2 | Chợ Châu Ó | Thị trấn Châu Ó | x | |
| Bình Định | 1 | Chợ Phú Phong | Thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn | | x |
| | 2 | Chợ Đập Đá | Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn | x | |
| | 3 | Chợ Phù Cát | Thị trấn Ngò Mây, huyện Phù Cát | x | |
| | 4 | Chợ Tam Quan | Thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn | | x |
| | 5 | Chợ Bồng Sơn | Thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn | | x |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|------------------------|---|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| Phú Yên | 1 | Chợ Tuy Hòa | Phường 4, thành phố Tuy Hòa | x | |
| Khánh Hòa | 1 | Chợ Đàm | Phường Xuân Huân và phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang | x | |
| | 2 | Chợ Xóm mới | 49 Ngõ Gia Tự, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang | | x |
| Ninh Thuận | 1 | Chợ Phan Rang | Phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm | | x |
| Bình Thuận | 1 | Chợ Phan Rí Cửa | Thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong | | x |
| Đăk Lăk | 1 | Chợ Tân An | Thành phố Buôn Ma Thuột | | x |
| Đăk Nông | 1 | Chợ Gia Nghĩa | Phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa | x | |
| Lâm Đồng | 1 | Chợ Đà Lạt | Phường I, thành phố Đà Lạt | x | |
| | 2 | Chợ Liên Nghĩa | Thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng | | x |
| Bình Phước | 1 | Chợ Đồng Xoài | Phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài | x | |
| | 2 | Chợ Bình Long | Phường An Lộc, thị xã Bình Long | x | |
| | 3 | Chợ Phước Long | Phường Thác Mơ, thị xã Phước Long | x | |
| | 4 | Chợ Bù Đăng | Thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng | x | |
| | 5 | Chợ Phước Bình | Phường Long Phước, thị xã Phước Long | | x |
| Tây Ninh | 1 | Chợ thành phố Tây Ninh | Phường 2, thành phố Tây Ninh | x | |
| Bình Dương | 1 | Chợ Thủ Dầu Một | Phường Phú cường, thành phố Thủ Dầu Một | x | |
| Đồng Nai | 1 | Chợ Sông Ray | Ấp 1, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ | x | |
| | 2 | Chợ Tân Biên | Xã Tân Biên, thành phố Biên Hòa | x | |
| | 3 | Chợ Cẩm Mỹ | Xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ | x | |
| | 4 | Chợ Long Khánh | Phường Xuân Trung, thị xã Long Khánh | x | |
| | 5 | Chợ Phương Lâm | Xã Phú Lâm, huyện Tân Phú | x | |
| | 6 | Chợ Long Thành | Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành | x | |
| | 7 | Chợ Biên Hòa | Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa | x | |
| | 8 | Chợ Tân Hiệp | Phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa | x | |
| Bà Rịa - Vũng Tàu | 1 | Chợ Vũng Tàu | Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu | | x |
| Thành phố | 1 | Chợ Tân Định | Quận 1 | x | |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Hồ Chí Minh | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|---|-----|---------------------------|--|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| | 2 | Chợ Dân Sinh | Quận 1 | x | |
| | 3 | Chợ Thủ Đức | Quận 1 | x | |
| | 4 | Chợ Hòa Bình | Quận 5 | | x |
| | 5 | Chợ An Đông | Quận 5 | x | |
| | 6 | Chợ Kim Biên | Quận 5 | | x |
| | 7 | Chợ Đồng Khánh | Quận 5 | x | |
| | 8 | Chợ Bình Tây | Quận 6 | x | |
| | 9 | Chợ Bà Chiểu | Quận Bình Thạnh | x | |
| | 10 | Chợ Phạm Văn Hai | Quận Tân Bình | x | |
| | 11 | Chợ Tân Bình | Quận Tân Bình | x | |
| | 12 | Chợ Hoàng Hoa Thám | Quận Tân Bình | x | |
| | 13 | Chợ Bầu Cát | Quận Tân Bình | x | |
| Tiền Giang | 1 | Chợ Cai Lậy | Huyện Cai Lậy | | x |
| | 2 | Chợ Gạo | Huyện Chợ Gạo | x | |
| | 3 | Chợ Gò Công | Thị xã Gò Công | | x |
| Bến Tre | 1 | Chợ Bến Tre | Phường 3, thành phố Bến Tre | x | |
| Trà Vinh | 1 | Chợ thành phố Trà Vinh | Phường 3, thành phố Trà Vinh | x | |
| | 2 | Chợ TT Càng Long | Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long | x | |
| Vĩnh Long | 1 | Chợ Vĩnh Long | Phường 1, thành phố Vĩnh Long | x | |
| Đồng Tháp | 1 | Chợ Cái Tàu Hạ | Thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành | | x |
| | 2 | Chợ Tháp Mười | Thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười | | x |
| | 3 | Chợ Cao Lãnh | Phường 2, thành phố Cao Lãnh | x | |
| | 4 | Chợ Sa Đéc | Phường 2, thành phố Sa Đéc | x | |
| | 5 | Chợ Hồng Ngự | Phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự | x | |
| An Giang | 1 | Chợ Châu Đốc | Phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc | x | |
| | 2 | Chợ Châu Phú B | Phường Châu Phú B, thị xã Châu Đốc | x | |
| | 3 | Chợ Tân Châu | Phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu | x | |
| | 4 | Chợ Thoại Sơn | Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn | x | |
| | 5 | Chợ An Châu | Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành | x | |
| | 6 | Chợ Cái Dầu | Thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú | x | |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|-----------------------|-------------------------------------|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| | 7 | Chợ An Phú | Thị trấn An Phú, huyện An Phú | x | |
| | 8 | Chợ Tri Tôn | Thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn | x | |
| | 9 | Chợ Tịnh Biên | Thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên | x | |
| | 10 | Chợ Mới | Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới | x | |
| Cần Thơ | 1 | Chợ An Hòa | Quận Ninh Kiều | | x |
| | 2 | Chợ TT&TM Cái Khế | Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều | | x |
| Hậu Giang | 1 | Chợ Nàng Mau | Thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy | | x |
| | 2 | Chợ Ngã Sáu | Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành | x | |
| | 3 | Chợ Long Mỹ | Thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ | x | |
| Bạc Liêu | 1 | Chợ Bạc Liêu A | Phường 1, thành phố Bạc Liêu | x | |
| Cà Mau | 1 | Chợ Bách Hóa | Phường 7, thành phố Cà Mau | x | |
| | 2 | Chợ Thị trấn Cái Nước | Huyện Cái Nước | x | |
| Tổng cộng | 147 | | | 96 | 51 |

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 8
DANH MỤC ĐỊA ĐIỂM QUY HOẠCH XÂY MỚI CHỢ HẠNG I
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-BCT
ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|--|-----|-------------------------------|--|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| Bắc Ninh | 1 | Chợ hạng I | Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh | x | |
| Hải Dương | 1 | Chợ Kè Sặt | Thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang | | x |
| | 2 | Chợ Sao Đỏ | Thị xã Chí Linh | x | |
| | 3 | Chợ Lai Cách | Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng | | x |
| Hải Phòng | 1 | Chợ Cầu Gù | Phường Kênh Dương, quận Lê Chân | | x |
| | 2 | Chợ Cầu Vồng | Quận Đồ Sơn | | x |
| Quảng Ninh | 1 | Chợ Hà Khánh | Phường Hà, thành phố Hạ Long | x | |
| | 2 | Chợ Trung tâm Hải Hà 2 | Xã Quảng Trung, huyện Hải Hà | x | |
| Hưng Yên | 1 | Chợ và khu nhà ở TM Phố Nối | Thị trấn Bàn, huyện Mỹ Hào | x | |
| | 2 | Chợ và khu nhà ở TM Văn Giang | Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang | | x |
| Thái Bình | 1 | Chợ Tây | Xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy | | x |
| Nam Định | 1 | Chợ Cò Lẽ | Thị trấn Cò Lẽ, huyện Trực Ninh | x | |
| | 2 | Chợ Thị trấn Lâm | Thị trấn Lâm, huyện Ý Yên | | x |
| Ninh Bình | 1 | Chợ Nam Dân | Thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn | | x |
| | 2 | Chợ Đồng Giao | Phường Trung Sơn, Thị xã Tam Điệp | x | |
| Hà Giang | 1 | Chợ TP Hà Giang | Phường Trần Phú, thành phố Hà Giang | | x |
| Cao Bằng | 1 | Chợ Nước Hai | Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An | x | |
| Bắc Cạn | 1 | Chợ Đức Xuân | Phường Đức Xuân, thị xã Bắc Cạn | x | |
| Tuyên Quang | 1 | Chợ Tam Cờ | Phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang | | x |
| | 2 | Chợ Phan Thiết | Phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang | | x |
| | 3 | Chợ Vĩnh Lộc | Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa | x | |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|--|-----|----------------------------|--|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| Lào Cai | 1 | Chợ Phố Mới | Thành phố Lào Cai | x | |
| | 2 | Chợ Kim Tân | Thành phố Lào Cai | x | |
| | 3 | Chợ Sapa | Thị trấn Sapa, huyện Sapa | | x |
| Yên Bái | 1 | Chợ thành phố Yên Bái | Thành phố Yên Bái | x | |
| | 2 | Chợ Mường Lò | Thị xã Nghĩa Lộ | x | |
| | 3 | Chợ Mậu A | Huyện Văn Yên | | x |
| | 4 | Chợ Thị trấn Yên Thέ | Huyện Lục Yên | | x |
| Thái Nguyễn | 1 | Chợ Đốc Hanh | Phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên | x | |
| | 2 | Chợ Đu | Thị trấn Đu, huyện Phú Lương | x | |
| | 3 | Chợ Hương Sơn | Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình | | x |
| | 4 | Chợ Đại Từ | Thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ | | x |
| | 5 | Chợ Phố Yên | Thị trấn Bắc Sơn, thị xã Phố Yên | x | |
| Lạng Sơn | 1 | Chợ Giếng Vuông | Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn | x | |
| | 2 | Chợ Đồng Đăng | Thị trấn Đồng Đăng | x | |
| Bắc Giang | 1 | Chợ Vôi | Huyện Lạng Giang | x | |
| | 2 | Chợ Chu | Thị trấn Chu, huyện Lục Ngạn | | x |
| | 3 | Chợ Thắng | Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa | x | |
| Điện Biên | 1 | Chợ Thị trấn Tuần Giáo | Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo | x | |
| | 2 | Chợ Bản Phù | Huyện Điện Biên | x | |
| Lai Châu | 1 | Chợ Trung tâm thành phố | Thành phố Lai Châu | x | |
| Sơn La | 1 | Chợ Trung tâm thành phố | Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La | | x |
| Hòa Bình | 1 | Chợ Thị trấn Vũ Bản | Thị trấn Vũ Bản, huyện Lạc Sơn | | x |
| | 2 | Chợ Phương Lâm | Thành phố Hòa Bình | x | |
| Thanh Hóa | 1 | Chợ Giắt | Thị trấn Như Thanh, huyện Như Thanh | | x |
| | 2 | Chợ Chuối | Thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống | x | |
| | 3 | Chợ Lèn | Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung | | x |
| Nghệ An | 1 | Chợ Quỳnh Thiện | Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai | | x |
| | 2 | Chợ Hòn | Phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò | x | |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|--|-----|--|--|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| Hà Tĩnh | 1 | Chợ Thị xã Hồng Lĩnh | Thị xã Hồng Lĩnh | x | |
| | 2 | Chợ Thị trấn Kỳ Anh | Thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh | x | |
| Quảng Bình | 1 | Chợ Đồng Lê | Huyện Tuyên Hóa | x | |
| | 2 | Chợ Thị trấn Quy Đạt | Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa | | x |
| | 3 | Chợ Cảnh Dương | Huyện Quảng Trạch | | x |
| Quảng Trị | 1 | Chợ Thị trấn Cửa Việt | Huyện Gio Linh | x | |
| Thừa Thiên Huế | 1 | Chợ Lăng Cô | Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc | | x |
| Quảng Ngãi | 1 | Chợ Thị trấn Đức Phổ | Thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ | x | |
| Bình Định | 1 | Chợ Bình Dương | Thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ | | x |
| Bình Thuận | 1 | Chợ Phú Thủy | 25 Lê Văn Phôn, thành phố Phan Thiết | | x |
| | 2 | Chợ Đức Tài | Khu phố 9, thị trấn Đức Tài | x | |
| Kon Tum | 1 | Chợ Trung tâm thương mại thành phố Kon Tum | Đường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum | x | |
| | 2 | Chợ Trung tâm thương mại Đăk Hà | Huyện Đăk Hà | | x |
| Gia Lai | 1 | Chợ Thị xã Ayun pa | Phường Đoàn kết, thị xã Ayun pa | | x |
| | 2 | Chợ Thị xã An Khê | Thị xã An Khê | x | |
| | 3 | Chợ Thị trấn Chư Sê | Thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê | | x |
| Đăk Lăk | 1 | Chợ Buôn Hồ | Thị trấn Buôn Hồ, huyện Krông Búk | | x |
| | 2 | Chợ Phước An | Thị trấn Phước An, huyện Rõng Pák | x | |
| Đăk Nông | 1 | Chợ Đức Lập | Thị trấn Đức Lập, huyện Đăk Mil | | x |
| | 2 | Chợ Kiến Đức | Thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp | | x |
| Lâm Đồng | 1 | Chợ huyện Lâm Hà | Huyện Lâm Hà | | x |
| | 2 | Chợ Di Linh | Huyện Di Linh | x | |
| Bình Phước | 1 | Chợ Đồng Phú | Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú | | x |
| | 2 | Chợ Chơn Thành | Thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành | | x |
| | 3 | Chợ Lộc Ninh | Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh | x | |

| Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | STT | Tên chợ | Địa điểm | Phân kỳ đầu tư | |
|---------------------------------------|-----|--------------------------------|---|----------------|-----------|
| | | | | 2015-2020 | 2021-2025 |
| | 4 | Chợ Thanh Bình | Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp | | x |
| Tây Ninh | 1 | Chợ Tân Biên | Khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên | x | |
| | 2 | Chợ Gò Dầu | Khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu | x | |
| Đồng Nai | 1 | Chợ Thị trấn Tân Phú | Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú | x | |
| | 2 | Chợ Dân Xuân | Xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch | x | |
| | 3 | Chợ Phú Thạnh | Xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch | x | |
| Long An | 1 | Chợ Kiến Tường | Phường 1, thị xã Kiến Tường | x | |
| | 2 | Chợ TT Bến Lức | Huyện Bến Lức | | x |
| | 3 | Chợ Bàu Trai | Thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa | | x |
| Tiền Giang | 1 | Chợ Cái Bè | Huyện Cái Bè | | x |
| Bến Tre | 1 | Chợ Mỏ Cày | Thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam | x | |
| Vĩnh Long | 1 | Chợ Cái Vồn | Thị xã Bình Minh | x | |
| | 2 | Chợ Trà Ôn | Thị trấn Trà Ôn | x | |
| | 3 | Chợ Vũng Liêm | Thị trấn Vũng Liêm | | x |
| | 4 | Chợ Tam Bình | Thị trấn Tam Bình | | x |
| Đồng Tháp | 1 | Chợ Lấp Vò | Thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò | x | |
| | 2 | Chợ Lai Vung | Thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung | | x |
| Kiên Giang | 1 | Chợ thị xã Hà Tiên | Thị xã Hà Tiên | x | |
| Cần Thơ | 1 | Chợ Ô Môn | Quận Ô Môn | | x |
| | 2 | Chợ An Thới | Quận Bình Thủy | | x |
| Hậu Giang | 1 | Chợ Ngã Bảy | Phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy | x | |
| | 2 | Chợ Bảy Ngàn | Thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A | | x |
| Sóc Trăng | 1 | Chợ Thị xã Ngã Năm | Phường 1, thị xã Ngã Năm | | x |
| | 2 | Chợ Thị xã Vĩnh Châu | Phường 1, thị xã Vĩnh Châu | x | |
| Cà Mau | 1 | Chợ tổng hợp bán buôn - bán lẻ | Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân | | x |
| Tổng cộng | 99 | | | 51 | 48 |